

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1298/UBND-KTHTĐT

Thái Bình, ngày 04 tháng 9 năm 2026

V/v chấp thuận Quy hoạch tổng mặt
bằng Khu đất nhà kho Văn phòng Tỉnh
ủy Thái Bình cũ, tổ 7 Lê Hồng Phong
(nay thuộc tổ 3 Lê Hồng Phong),
phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên

Kính gửi:

- Ban QLDA ĐTXD phường Thái Bình;
- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

UBND phường Thái Bình nhận Tờ trình số 353/TTr-BQL ngày 25/8/2026 của Ban QLDA ĐTXD phường về việc đề nghị chấp thuận Quy hoạch tổng mặt bằng Khu đất nhà kho Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình cũ, tổ 7 Lê Hồng Phong (nay thuộc tổ 3 Lê Hồng Phong), phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên kèm theo hồ sơ do đơn vị tư vấn là Công ty cổ phần tư vấn thiết kế đầu tư xây dựng Việt Nam lập. Xét đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Báo cáo số 140/BC-KTHTĐT ngày 04/9/2026; UBND phường có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận Quy hoạch tổng mặt bằng nêu trên, cụ thể:

1.1. Tên quy hoạch: Quy hoạch tổng mặt bằng Khu đất nhà kho Văn phòng Tỉnh ủy Thái Bình cũ, tổ 7 Lê Hồng Phong (nay thuộc tổ 3 Lê Hồng Phong), phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên.

1.2. Mục tiêu: Cụ thể hoá đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực ven sông Trà Lý, thành phố Thái Bình, đồng thời góp phần chỉnh trang, phát triển đô thị phường Thái Bình, nâng cao hiệu quả sử dụng đất tại khu vực.

1.3. Vị trí, ranh giới và diện tích lập quy hoạch:

- Vị trí: Khu đất quy hoạch thuộc ô đất ký hiệu HH-A7 nằm trong Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu vực ven sông Trà Lý, thành phố Thái Bình.

- Ranh giới theo hiện trạng:

+ Phía Bắc: Giáp đất công trình trụ sở cơ quan cũ;

+ Phía Nam: Giáp đất dân cư;

+ Phía Đông: Giáp đất dân cư, phố Lý Thường Kiệt;

+ Phía Tây: Giáp ngõ 27 phố Trần Nhân Tông.

- Diện tích: 1.868,80 m².

1.4. Cơ cấu sử dụng đất:

- Bảng cơ cấu quy hoạch sử dụng đất:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất ở	794,91	42,54
II	Đất giao thông	1.073,89	57,46
	Tổng	1.868,80	100,0

- Bảng tổng hợp chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

STT	Hạng mục công trình	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Mật độ xây dựng tối đa	Tầng cao tối đa (tầng)	Hệ số SDD tối đa (lần)	Tỷ lệ (%)
I	Đất ở	LK	794,91				42,54
	Đất nhà ở liền kề 01	LK-01	79,68	100,00	5	5,0	
	Đất nhà ở liền kề 02	LK- 02	80,68	100,00	5	5,0	
	Đất nhà ở liền kề 03	LK- 03	123,65	85,27	5	3,4	
	Đất nhà ở liền kề 04	LK- 04	63,85	100,00	5	5,0	
	Đất nhà ở liền kề 05	LK- 05	59,95	100,00	5	5,0	
	Đất nhà ở liền kề 06	LK- 06	60,21	100,00	5	5,0	
	Đất nhà ở liền kề 07	LK- 07	60,47	100,00	5	5,0	
	Đất nhà ở liền kề 08	LK- 08	60,73	100,00	5	5,0	
	Đất nhà ở liền kề 09	LK- 09	60,99	100,00	5	5,0	
	Đất nhà ở liền kề 10	LK- 10	61,25	100,00	5	5,0	
	Đất nhà ở liền kề 11	LK- 11	83,45	100,00	5	5,0	
II	Đất giao thông		1.073,89				57,46
	Tổng cộng		1.868,80				100,0

1.5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống hạ tầng được quy hoạch đảm bảo đồng bộ, tuân thủ quy định.

2. Yêu cầu Ban QLDA ĐTXD phường Thái Bình:

- Căn cứ Quy hoạch tổng mặt bằng được chấp thuận, có trách nhiệm phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn thiện theo các nội dung đã được chấp thuận.

- Phối hợp với đơn vị tư vấn, tổ chức niêm yết, công bố, công khai hồ sơ Quy hoạch tổng mặt bằng tại Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Thái Bình và tổ dân phố nơi có quy hoạch theo quy định.

- Cung cấp dữ liệu quy hoạch số (*thuyết minh, bản vẽ, dạng file đuôi pdf, ...*) cho Văn phòng HĐND và UBND phường Thái Bình để công bố, công khai trên cổng thông tin điện tử của phường.

- Cung cấp dữ liệu quy hoạch số (*thuyết minh, bản vẽ, dạng file đuôi pdf, dwg, doc, ...*) và hồ sơ quy hoạch cho Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Thái Bình để lưu trữ hồ sơ, phục vụ cung cấp thông tin.

- Có trách nhiệm tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

3. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị căn cứ chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện.

Nhận Công văn, đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Các phòng, đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, KTHTĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hiệp